

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kè chống sạt lở khu Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới bổ sung thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Kè chống sạt lở Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La; Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 345/TTr-SXD ngày 28 tháng 9 năm 2023.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Kè chống sạt lở khu Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

2. Quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp.

5. Mục tiêu, quy mô đầu tư

#### 5.1. Mục tiêu

Đầu tư xây dựng dự án nhằm bảo vệ an toàn cho khu dân cư, các công trình cơ sở hạ tầng, cơ quan khu trung tâm hành chính huyện, diện tích đất sản xuất nông nghiệp, ao nuôi trồng thủy sản, hoa màu của nhân dân được an toàn, ngăn chặn tình trạng mưa lũ xói mòn, sạt lở bờ suối, ô nhiễm nguồn nước tại khu vực dọc theo hai bên bờ suối Nậm Ban, Nậm Lạnh, Nậm Ca khu trung tâm hành chính huyện góp phần ổn định đời sống nhân dân, góp phần ổn định an ninh, chính trị khu vực biên giới.

#### 5.2. Quy mô đầu tư

Theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Tuyến kè suối Nậm Lạnh, Nậm Ca: Điểm đầu đầu nối với phía hạ lưu cầu Nậm Ca, điểm cuối tại ngã ba suối (*suối Nậm Công*), chiều dài  $L=1,05$  km.

- Tuyến kè suối Nậm Ban: Điểm đầu đầu nối với phía hạ lưu cầu Nậm Ban, điểm cuối tại ngã ba suối (*suối Nậm Công*), chiều dài  $L=1,15$  km.

- Nạo vét, chỉnh trị lòng suối: Nậm Lạnh, Nậm Ca và Nậm Ban.

- Đường sau kè: Xây dựng tuyến đường với  $B_n=6m$ ,  $B_m=5m$  để phục vụ thi công và quản lý, vận hành sau khi công trình đưa vào khai thác sử dụng.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: Lan can bảo vệ và các hạng mục phụ trợ khác.

### 6. Giải pháp thiết kế chủ yếu

#### 6.1. Tuyến kè

Xây dựng 02 tuyến kè chống sạt lở khu Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp trên 02 đoạn suối Nậm Ban và Nậm Ca. Tàn suất lũ thiết kế  $P=1,5\%$ , lưu lượng thiết kế suối Nậm Ban  $Q_{1,5\%}=1.547,2$  m<sup>3</sup>/s, suối Nậm Ca  $Q_{1,5\%}=2.477,8$  m<sup>3</sup>/s. Tổng chiều dài 02 tuyến kè  $L=2.200,0m$ ; hình thức kè trọng lực, phía trên đỉnh kè ốp mái lát tấm bê tông đúc sẵn trong khung, dầm bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*), hệ số mái  $m = 1,5$ . Trên đỉnh mái kè kết hợp đắp đất nền đường theo cao trình mặt bằng quy hoạch trong khu vực.

a) Kè suối Nậm Ban: Kè 02 bên bờ suối, điểm đầu nối sau hạ lưu cầu Nậm Ban; tổng chiều dài là  $1.150,0m$ ; hình thức tường trọng lực, mặt cắt hình thang, chiều cao tường (tính cả phần móng đến chân khay)  $H=5,0m$ ; bản đáy móng rộng  $B=3,5m$ , chiều dày móng  $t=(0,9;-1,5)m$ . Kết cấu móng kè, thân tường kè bê tông xi măng và bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*), đáy móng lót bạt dứa.

b) Kè suối Nậm Lạnh, Nậm Ca: Kè 02 bên bờ suối, điểm đầu nối sau hạ lưu cầu Nậm Ca với tổng chiều dài là 1.050,0m; hình thức tường trọng lực, mặt cắt hình thang, chiều cao tường (tính cả phần móng đến chân khay)  $H=6,0\text{m}$ ; bản đáy móng rộng  $B=3,7\text{m}$ , chiều dày móng  $t=(0,9\div 1,5)\text{m}$ . Kết cấu móng kè, thân tường kè bê tông xi măng và bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), đáy móng lót bạt dứa.

c) Thanh thải, chỉnh trị lòng suối:

- Suối Nậm Ca: chiều rộng đáy suối đào thanh thải, nắn chỉnh lòng suối  $B=45,0\text{m}$ , độ dốc lòng suối trung bình  $i=0,3\%$ ; chiều dài  $L=533,76\text{m}$ .

- Suối Nậm Ban: chiều rộng đáy suối đào thanh thải, nắn chỉnh lòng suối  $B=40,0\text{m}$ , độ dốc lòng suối trung bình  $i=0,3\%$ ; chiều dài  $L=647,70\text{m}$ .

- Hoàn trả kênh thủy lợi: xây dựng hoàn trả 02 đoạn kênh tưới theo mặt cắt thiết kế cũ  $b \times h=(40\text{-}:-100 \times 60\text{-}:-100)\text{cm}$ . Kết cấu móng, thành kênh bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày  $t=(12\text{-}:-15)\text{cm}$ .

## 6.2. Các công trình trên tuyến

a) Đường thi công, quản lý và vận hành:

- Tổng chiều dài đường sau kè:

+ Kè suối Nậm Lạnh, Nậm Ca:  $L=1,05\text{Km}$ .

+ Kè suối Nậm Ban:  $L=1,15\text{Km}$ .

- Mặt cắt ngang thiết kế với: Bề rộng nền đường:  $B_n = 6,0\text{m}$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 5,0\text{m}$ ; bề rộng lề đường:  $B_l = 2 \times 0,5\text{m}$ ; độ dốc ngang mặt đường:  $I_{\text{mặt}} = 2\%$ ; độ dốc ngang lề đường:  $I_{\text{lề}} = 4\%$ .

- Nền đường:

+ Nền đắp: Chủ yếu sử dụng mái taluy 1/1,5. Độ chặt đầm lèn nền đường đắp đảm bảo  $K \geq 0,95$ . Trước khi nền đắp cần phải đào bỏ lớp đất hữu cơ (đất không thích hợp); khi đắp trên sườn dốc có độ dốc ngang  $\geq 20\%$  thiết kế đánh cấp, chiều rộng cấp tối thiểu 1m.

+ Nền đào: Mái taluy đào sử dụng mái taluy 1/1,0.

- Thiết kế mặt đường BTXM để quản lý, vận hành kè; vận dụng và tham khảo các tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn TCVN 10380-2014; TCCS 39-2022/TCĐBVN; hướng dẫn số 2212/SGTVT-KCHT ngày 29/7/2022 của Sở GTVT Sơn La.

- Kết cấu gồm: Lớp mặt bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250) dày 18cm; Lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 12cm; Lớp đáy khuôn lu lèn đạt  $K \geq 95$  dày 30cm.

- Nút giao: Thiết kế dạng giao bằng giản đơn, dễ nhận biết, vượt nổi bán kính cong  $R=(10\text{-}20)\text{m}$  tại tim ngã rẽ đảm bảo tầm nhìn, tạo độ êm thuận khi chạy xe. Kết cấu mặt đường đồng bộ với tuyến chính.

- An toàn giao thông: Thiết kế đầy đủ hệ thống cọc tiêu, biển báo theo Điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT để hướng dẫn tổ chức giao thông trên đường.

b) Thoát nước sau kè:

Thoát nước sau kè bằng hệ thống cống thoát nước, bố trí trên cơ sở quy hoạch, tính toán thủy văn khu vực, các hệ thống kênh mương. Sử dụng cống có đường kính Cống tròn  $D=1,0m$ ;  $D=1,5m$  làm phương án thoát nước; kết cấu ống cống bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); móng cống, thân cống, thân tường cánh, sân gia cố bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200).

c) Bến lên xuống (bến rửa):

Trên tuyến kè xây dựng các bến rửa phục vụ công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng và nhu cầu dân sinh; hướng xuống mái kè vuông góc với dòng chảy rộng khoảng 2m; hướng xuống suối song song với dòng chảy về hai phía, mỗi phía rộng khoảng 1,1m; bậc mái dốc (hướng vuông góc với dòng chảy) kích thước cho bậc điển hình (25x20)cm; kết cấu bậc bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), bậc dốc (hướng song song với dòng chảy) kích thước cho bậc điển hình (30x20)cm, kết cấu bậc bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200). Hai bên lắp dựng lan can bậc lên xuống bằng thép mạ kẽm.

d) Gia cố cuối kè:

Để đảm bảo chống xói lở, tại vị trí cuối kè gia cố ốp mái dạng tứ nón; kết cấu ốp mái bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 15cm/ lớp lót bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10cm; chân khay bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) vượt nổi từ chiều cao kè về  $H_{tb}=0,5m$ ; phía sau đào thanh thải dòng chảy đảm bảo thoát nước.

6.3. Các hạng mục phụ trợ và chi tiết cụ thể: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở thẩm định.

7. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La, địa chỉ: số 498, đường Trần Đăng Ninh, tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

8. Địa điểm xây dựng

- Địa điểm xây dựng: huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La;

- Diện tích sử dụng đất: Theo tổng mặt bằng và quy hoạch được phê duyệt.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm B; Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp III; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III;

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: trên 50 năm.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu: Theo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng.

**11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 110.000.000.000,0 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB, hỗ trợ, TĐC : 14.355.135.000 đồng;
- Chi phí xây dựng : 79.580.789.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 1.262.807.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 6.938.645.000 đồng;
- Chi phí khác : 2.462.222.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 5.400.402.000 đồng.

**12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.**

**13. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn**

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến kế hoạch vốn:

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>Năm</b>	<b>Ngân sách tỉnh</b>	<b>Tổng số</b>
2023-2025	40.000,0	40.000,0
2026	70.000,0	70.000,0

**14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định.**

**15. Bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định.**

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. UBND huyện Sốp Cộp (chủ đầu tư)**

- Chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu của hồ sơ dự án trình duyệt; Tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng mục tiêu, hiệu quả, tiến độ thời gian, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Chủ động rà soát các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại báo cáo kết quả thẩm định số 237/KQTĐ-SXD ngày 28 tháng 9 năm 2023 trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

**2. Sở Xây dựng:**

- Chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung, quy trình thẩm định dự án;

- Chủ trì thẩm định các nội dung của chủ đầu tư đồng thời với việc thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công theo quy định.

- Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có);

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sốp Cộp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ, phòng KT);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các phòng: TH, KGVX;
- Lưu: VT, KT(Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature in blue ink]*

**Lê Hồng Minh**